TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **07**/2026/HNGĐ-PT
Ngày 20 - 01 - 2026
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con và chia tài sản khi ly hôn.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Tôn Thị Thanh Thúy.

Các Thẩm phán:Bà Võ Thị Phượng.

Bà Lê Thị Thọ.

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Phan Minh Nhựt - Thư ký của Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa***: Bà Huỳnh Thị Mỹ Liên - Kiểm sát viên

Trong ngày 20 tháng 01 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 61/2025/TLPT-HNGĐ ngày 24 tháng 11 năm 2025 về việc *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con và chia tài sản khi ly hôn"*.

Do Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 75/2025/HNGĐ-ST, ngày 16 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Cần Thơ, bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 920/2025/QĐ-PT ngày 08 tháng 12 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Phạm Thị H, sinh năm 1998. Địa chỉ: Ấp T, xã T, thành phố Cần Thơ. CCCD: 092198008601, do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 22/11/2021 (vắng mặt).

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn G, sinh năm 1993. Địa chỉ: Ấp T, xã T, thành phố Cần Thơ. CCCD: 092093011716, do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 22/11/2021 (có mặt).

Người kháng cáo: Bị đơn ông Nguyễn Văn G.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyên đơn chị Phạm Thị H trình bày: Vào năm 2016 do có quen biết và tìm hiểu chị và anh Nguyễn Văn G đã tự nguyện tiến đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán và có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Thời gian đầu chung sống vợ chồng rất hạnh phúc nhưng thời gian gần đây thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân xuất phát do mâu thuẫn mẹ chồng nàng dâu, anh G không còn yêu thương và quan tâm gì đến vợ con. Từ đó vợ chồng thường xuyên cải vã, tình cảm vợ chồng không còn nên vợ chồng đã ly thân với nhau từ tháng 02/2025 đến nay. Nay chị yêu cầu Tòa án giải quyết:

Về quan hệ hôn nhân: chị yêu cầu được ly hôn với anh G.

Về con chung: vợ chồng có hai con chung là cháu Nguyễn Minh T, sinh ngày 11/01/2023 và cháu Nguyễn Minh H1, sinh ngày 19/11/2017. Khi ly hôn chị yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu Nguyễn Minh T và giao cháu Nguyễn Minh H1 cho anh G trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành và không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: vợ chồng có tích lũy tiền Việt Nam 120.000.000 đồng và 01 chiếc xe Wave I biển kiểm soát 65K1- 469.59, trị giá 40.000.000 đồng. Tất cả các tài sản này hiện nay anh G là người quản lý. Chị yêu cầu chia đôi các tài sản trên, giao anh Gò nhận hiện vật là chiết xe Wave và số tiền 40.000.000 đồng, anh G có nghĩa vụ giao trả chị số tiền 80.000.000 đồng.

Về nghĩa vụ chung: không có.

Bị đơn anh Nguyễn Văn G trình bày: Anh thống nhất với lời trình bày của chị H về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung cũng như thời gian ly thân. Về nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn thì chị H trình bày là không đúng, theo anh G thì vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn. Vì vậy, đối với yêu cầu ly hôn của nguyên đơn anh G không đồng ý, trường hợp Tòa án giải quyết cho vợ chồng ly hôn thì anh có ý kiến: về con chung anh đồng ý giao cháu Nguyễn Minh T, sinh ngày 11/01/2023 cho chị H nuôi dưỡng và anh nuôi cháu Nguyễn Minh H1, sinh ngày 19/11/2017 đến tuổi trưởng thành và không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: anh thống nhất vợ chồng có tích lũy tiền Việt Nam 120.000.000 đồng và 01 chiếc xe Wave I biển kiểm soát 65K1-469.59 trị giá 40.000.000 đồng. Anh đồng ý chia đôi các tài sản trên, anh nhận hiện vật là chiếc xe Wave và số tiền 40.000.000 đồng, đồng ý giao trả chị H số tiền 80.000.000 đồng.

Tại bản án số 75/2025/HNGĐ-ST ngày 18/9/2025 của Tòa án nhân Khu vực 4-Cần Thơ, đã quyết định như sau:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 56, Điều 59; Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị H được ly hôn với anh Nguyễn Văn G.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Minh H1, sinh ngày 19/11/2017 cho anh Nguyễn Văn G trực tiếp nuôi dưỡng và cháu Nguyễn Minh T, sinh ngày 11/01/2023 cho chị Phạm Thị H nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của chị H, anh G không phải cấp dưỡng nuôi con. Dành quyền thăm nom con chung cho anh G, chị H không ai có quyền cản trở. Anh G, chị H không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Nếu có thì chị H, anh G có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của nhau. Vì lợi ích của con khi cần thiết có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại Điều 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình.

- Về tài sản chung: Giao anh Nguyễn Văn G tiếp tục quản lý, sử dụng chiếc xe Wave I biển kiểm soát 65K1- 469.59 và số tiền 40.000.000 đồng. Buộc anh Nguyễn Văn G có trách nhiệm giao cho chị Phạm Thị H số tiền 80.000.000 đồng.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí, quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định pháp luật.

Ngày 30/9/2025, bị đơn anh Nguyễn Văn G kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét giải quyết toàn bộ bản án Hôn nhân và gia đình số 75/2025/HNGĐ-ST, ngày 16/9/2025 của Tòa án nhân Khu vực 4 – Cần Thơ theo hướng giao hai cháu Nguyễn Minh H1 và Nguyễn Minh T cho anh trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành; về tài sản chung anh không đồng ý phân chia vì việc phân chia tài sản chung không phản ánh hết công sức đóng góp của anh trong quá trình tạo lập tài sản chung, số tiền 160.000.000 đồng chủ yếu là do bản thân anh lao động chân tay mà có được, anh phải đi làm thuê trong 09 năm. Cần phải xem xét lại để đảm bảo công bằng yêu cầu chia theo tỷ lệ cho phù hợp.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên nội dung đơn khởi kiện và không có mặt tại phiên tòa, bị đơn vẫn giữ nguyên kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ trình bày: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở cấp phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm là đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Về việc giải quyết vụ án, sau khi trình bày và đánh giá chứng cứ Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn. Giữ nguyên bản án Hôn nhân và gia đình của Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Cần Thơ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra các chứng cứ tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng, ý kiến phát biểu đề nghị của Kiểm sát viên và những người tham gia tố tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về người kháng cáo, nội dung và hình thức đơn kháng cáo, thời hạn kháng cáo nguyên đơn đã nộp đơn kháng cáo ngày 30/9/2025 qua đường Bưu chính cho Tòa án nhân dân Khu vực 4 – Cần Thơ là đúng theo quy định tại các Điều 271, 272, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, nên kháng cáo là hợp lệ và đúng quy định pháp luật. Hội đồng xét xử chấp nhận xem xét kháng cáo theo đúng quy định pháp luật.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: nguyên đơn chị Phạm Thị H được tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị H.

[3] Về nội dung: Chị Phạm Thị H và anh Nguyễn Văn G tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn nên hôn nhân của chị H và anh G là hợp pháp. Về quan hệ hôn nhân chị H yêu cầu ly hôn và anh G cũng đồng ý nên cấp sơ thẩm đã cho chị H được ly hôn với G; về tài sản chung các đương sự thừa nhận tài sản chung gồm có 120.000.000 đồng và chiếc xe Wave I có giá trị 40.000.000 đồng và đống ý chia đôi, anh G đồng ý nhận 40.000.000 đồng và chiếc xe Ware, giao chị H số tiền 80.000.000 đồng nên Tòa án đã ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự. Đối với con chung là cháu Nguyễn Minh H1, sinh ngày 19/11/2017 và cháu Nguyễn Minh T, sinh ngày 11/01/2023. Trong quá trình giải quyết vụ án tại giai đoạn sơ thẩm các đương sự cũng có ý kiến thống nhất giao cháu Nguyễn Minh H1, sinh ngày 19/11/2017 cho anh Nguyễn Văn G trực tiếp nuôi dưỡng và cháu Nguyễn Minh T, sinh ngày 11/01/2023 cho chị Phạm Thị H nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành nên Tòa án ghi nhận sự tự nguyện này của các đương sự. Sau khi xét xử sơ thẩm thì bị đơn anh Nguyễn Văn G không đồng ý và đã kháng cáo.

[4] Xét kháng cáo của anh Nguyễn Văn G về việc yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu Nguyễn Minh T, sinh ngày 11/11/2023. Anh G cho rằng hai cháu Nguyễn Minh H1 và Nguyễn Minh T còn rất nhỏ cần được sống chung với nhau để phát triển tình cảm anh em; anh có điều kiện về kinh tế, thời gian và môi trường cho các con sống tốt hơn chị H, để bảo đảm quyền lợi và sự phát triển toàn diện của các con. Trong quá trình giải quyết vụ án chị H và anh G đã thống nhất với nhau về việc nuôi con chung và sau khi anh G kháng cáo thì chị H cũng không có ý kiến đồng ý với yêu cầu của anh G. Theo khoản 1, khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình có quy định khi ly hôn "*Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao cho một bên trực tiếp nuôi con, việc giao con cho cha hay mẹ nuôi phải đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con về vật chất lẫn tinh thần. Về nguyên tắc, con dưới 36 tháng tuổi giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nôm, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con".* Tại giai đoạn sơ thẩm các đương sự đã thống nhất giao cháu H1 cho anh G trực tiếp nuôi dưỡng và giao cháu T cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng nên Hội đồng xét xử sơ thẩm đã ghi nhận sự tự nguyện này và phù hợp với quy định pháp luật vì cháu T chưa tròn 36 tháng tuổi về nguyên tắt phải giao cho mẹ nuôi dưỡng. Hiện nay anh G thay đổi ý kiến yêu cầu được trực tiếp nuôi cả hai con nhưng chị H không đồng ý. Anh G cũng không cung cấp được chứng cứ nào mới để chứng minh chị H vi phạm nghĩa vụ nuôi con, hay từ bỏ quyền nuôi con như anh G trình bày nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không có căn cứ để xem xét yêu cầu của anh G.

[5] Xét kháng cáo của anh Nguyễn Văn G yêu cầu xem xét chia lại tài sản chung của vợ chồng do tài sản chung là do công sức của anh tạo ra, yêu cầu xem xét chia theo tỷ lệ phù hợp. Xét thấy, theo quy định tại Điều 59 Luật hôn nhân và gia đình có quy định "*Trong trường hợp chế độ tài sản của vợ chồng theo luật định thì việc giải quyết tài sản do các bên thỏa thuận; nếu không thỏa thuận được thì theo yêu cầu của vợ, chồng hoặc của hai vợ chồng, Tòa án giải quyết theo quy định tại các khoản 2, 3, 4 và 5 Điều này và tại các điều 60, 61, 62, 63 và 64 của Luật này. Trong trường hợp chế độ tài sản của vợ chồng theo thỏa thuận thì việc giải quyết tài sản khi ly hôn được áp dụng theo thỏa thuận đó; nếu thỏa thuận không đầy đủ, rõ ràng thì áp dụng quy định tương ứng tại các khoản 2, 3, 4 và 5 Điều này và tại các điều 60, 61, 62, 63 và 64 của Luật này để giải quyết; Tài sản chung của vợ chồng được chia đôi nhưng có tính đến các yếu tố sau đây:Hoàn cảnh của gia đình và của vợ, chồng; Công sức đóng góp của vợ, chồng vào việc tạo lập, duy trì và phát triển khối tài sản chung. Lao động của vợ, chồng trong gia đình được coi như lao động có thu nhập…; Tài sản chung của vợ chồng được chia bằng hiện vật, nếu không chia được bằng hiện vật thì chia theo giá trị; bên nào nhận phần tài sản bằng hiện vật có giá trị lớn hơn phần mình được hưởng thì phải thanh toán cho bên kia phần chênh lệch….; Bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của vợ, con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình".* Quá trình giải quyết sơ thẩm các đương sự thống nhất tài sản chung của vợ chồng có 120.000.000 đồng và chiếc xe Wave trị giá 40.000.000 đồng, các được sự cũng thống nhất chia đôi là có căn cứ nên Hội đồng xét xử đã ghi nhận là phù hợp với quy định pháp luật. Nguyên đơn kháng cáo yêu cầu xem xét lại tỷ lệ chia cho phù hợp vì anh cho rằng toàn bộ tài sản trên là do công sức của anh đóng góp. Tuy nhiên, như đã phân tích trên thì thấy rằng pháp luật công nhận giá trị của lao động nội trợ, chăm sóc gia đình, xem xét công sức đóng góp này khi phân chia tài sản chung khi ly hôn, không phân biệt lao động trong gia đình và lao động có thu nhập. Người ở nhà nội trợ, chăm con sẽ có thu nhập tương đương với người chồng/vợ đi làm, đảm bảo sự công bằng về quyền và nghĩa vụ tài sản. Vì vậy, cấp sơ thẩm đã ghi nhận sự thỏa thuận và chia đôi tài sản trên là có căn cứ phù hợp với quy định pháp luật.

[6] Anh G kháng cáo yêu cầu được trực tiếp nuôi cả hai con và yêu cầu chia lại tài sản chung nhưng không cung cấp được chứng cứ nào mới để chứng minh cho yêu cầu của mình. Vì vậy, Hội đồng xét xử không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn.

[7] Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn và áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự. Giữ nguyên Bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 75/2025/HNGĐ-ST ngày 16/9/2025 của Tòa án nhân Khu vực 4 - Cần Thơ là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về án phí Hôn nhân gia đình phúc thẩm: Do kháng cáo của nguyên đơn không được chấp nhận và bản án sơ thẩm được giữ nguyên nên nguyên đơn phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[9] Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị. Hội đồng xét xử không xem xét và có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308, khoản 1 Điều 148 và khoản 6 Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử**:** Không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của bị đơn Nguyễn Văn G. Giữ nguyên bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 75/2025/HNGĐ-ST ngày 16/9/2025 của Tòa án nhân Khu vực 4 – Cần Thơ, như sau:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 33; Điều 56, Điều 58, 59; Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi bổ sung năm 2014 và điểm a khoản 5, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, án tuyên như sau:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Phạm Thị H được ly hôn với anh Nguyễn Văn G.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Minh H1, sinh ngày 19/11/2017 cho anh Nguyễn Văn G trực tiếp nuôi dưỡng và cháu Nguyễn Minh T, sinh ngày 11/01/2023 cho chị Phạm Thị H nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyên của chị H, anh G không phải cấp dưỡng nuôi con. Dành quyền thăm nom con chung cho anh G, chị H không ai có quyền cản trở. Anh G, chị H không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Nếu có thì chị H, anh G có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của nhau. Vì lợi ích của con khi cần thiết có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại Điều 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình.

3. Về tài sản chung: Giao anh Nguyễn Văn G tiếp tục quản lý, sử dụng chiếc xe Wave I biển kiểm soát 65K1 - 469.59 và số tiền 40.000.000 đồng. Buộc anh Nguyễn Văn G có trách nhiệm giao cho chị Phạm Thị H số tiền 80.000.000 đồng.

4. Về nghĩa vụ chung: Chị H và anh G xác định không có.

5. Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn Phạm Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình và 4.000.000 đồng án phí chia tài sản chung. Tổng cộng là 4.300.000 đồng được khấu trừ vào số tiền 4.300.000 đồng đã nộp tạm ứng theo biên lai số 0000667 ngày 13/6/2025 chị H đã nộp đủ.

Buộc anh Nguyễn Văn G phải chịu án phí chia tài sản chung là 4.000.000 đồng.

6. Án phí dân sự phúc thẩm: ông Nguyễn Văn G phải chịu 300.000 đồng. Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0005958 ngày 16/10/2025 của Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ.

7. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014), thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

8. Bản án này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận*:**
- VKSND thành phố Cần Thơ;
- TAND Khu vực 4 – Cần Thơ;
- VKSND Khu vực 4 – Cần Thơ;
- Phòng THADS Khu vực 4 – Cần Thơ;
- Các đương sự;
- Lưu TDS, HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Tôn Thị Thanh Thúy